TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 5 - 2019
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình;

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÌNH ĐẠI, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÌNH ĐẠI, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÌNH ĐẠI, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Ngọc L,** sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T L, xã T Đ, huyện B Đ, tỉnhT.

2. Bị đơn: **Mai Văn Hoà E**, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T L, xã T Đ, huyện B Đ, tỉnh T.

Anh Hoà E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề 29 tháng 5 năm 2019.

NỘI D VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019 và những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc L trình bày:*

Chị và anh Hoà E cưới nhau vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển 01/2002 vào ngày 02/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Chị và anh Hoà E đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hoà E

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc D, sinh ngày 02/10/1997, hiện đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2019, biên bản hoà giải ngày 24/4/2019 và những lời trình bày tiếp theo bị đơn anh Mai Văn Hoà E trình bày:*

Anh và chị L cưới nhau vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển 01/2002 vào ngày 02/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 8 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, kinh tế trong gia đình. Anh và chị L đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay anh vẫn còn thương vợ con nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc D, sinh ngày 02/10/1997, hiện đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về nội D:

Căn cứ vào Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Ngọc L đối với anh Mai Văn Hoà E.

Về con chung: Hiện đã trưởng thành cả chị L và anh Hoà E không yêu cầu giải quyết nên không xét đến

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Không có, nên không xét đến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Văn Hoà E có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 29/5/2019 nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Hoà E là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội D:*

[1] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc L và anh Mai Văn Hoà E kết hôn vào năm 1996, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào năm 2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng từ tháng 8/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh Hoà E cũng đồng ý, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh Hoà E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Hoà E theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống chị L và anh Hoà E có 01 con chung tên Mai Ngọc D, sinh ngày 02/10/1997, hiện con chung đã thành niên hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3]. *Về tài sản chung:* Hai bên tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung:* Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÌNH ĐẠI về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Võ Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Ngọc L và anh Mai Văn Hoà E

[2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Mai Ngọc D, sinh ngày 02/10/1997, hiện con chung đã thành niên hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3]. Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận nên không xét đến.

[4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5]. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001370 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BÌNH ĐẠI. Vậy chị Võ Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Mai Văn Hoà E vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Lựu